**Ngày dạy: 11/10/2021**

**Thao tác 3: Tiết 19: Đọc hiểu văn bản *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương)**

**a.Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ, GT-HT**

Học sinh nắm được những nội dung chính và đặc điểm nổi bật về nghệ thuật của bài thơ. Cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật đặc sắc.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Trước khi đọc:**

**- Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV đặt câu hỏi:**

*? Hãy tưởng tượng em đang trên đường trở về nhà để gặp lại người thân sau một chuyến đi xa. Cảm xúc, suy nghĩ trong em lúc đó như thế nào??*

- HS suy nghĩ và phát biểu ý kiến

- Gọi HS trao đồi và bổ sung ý kiến.

**- GV tổng hợp, giới thiệu bài.**

**\* Đọc – hiểu văn bản:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **\*Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Đinh Nam Khương.**  - HS phát biểu ý kiến  - GV tổng hợp ý kiến, kết luận**.**  Description: https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/Nha%20tho%20Dinh%20Nam%20Khuong_1.jpg  **Tác giả Đinh Nam Khương**  **\*GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc giọng nhẹ nhàng, gợi cảm.  **-** HS đọc.  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích SGK.  **\*** **Nêu bố cục của bài thơ: bài thơ chia làm mấy khổ?**  **\*Bài thơ là lời của ai và viết về điều gì?**  - HS phát biểu ý kiến  - Tổ chức cho HS trao đổi ý kiến, nhận xét, bổ sung?  - GV tổng hợp ý kiến, kết luận**.** | **III. Văn bản *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương)**   1. **Tìm hiểu về tác giả Đinh Nam Khương**   **-** Tác giả Đinh Nam Khương (1949 - 2018)  - **Quê quán**: Thôn Đục Khuê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.  - **Chức danh**: Từng là phó chủ tịch Hội Đông y Mỹ Đức, Hà Nội; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.  - **Giải thưởng**: + Giải A cuộc thi thơ 1981 - 1982 - Báo Văn nghệ. + Tặng thưởng bài thơ hay nhất 1992 - Báo Văn nghệ Quân đội. + Tặng thưởng chùm thơ hay nhất 2001 - Báo Văn nghệ. + Giải B cuộc thi thơ Lục bát 2002 - 2003.  **2. Tìm hiểu chung tác phẩm: Bài thơ *Về thăm mẹ***  a. **Xuất xứ**: Trích Mẹ (Tuyển thơ) - 2002.  **b.** **Hướng dẫn đọc và tìm hiểu chú thích bài thơ**  **- Đọc**  **- Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó**  (SGK-Tr 40)  **c. Thể thơ và bố cục văn bản**: Bài thơ viết theo thể thơ lục bát, được chia làm 4 khổ.  + Khổ 1: 4 câu đầu.  + Khổ 2: 4 câu tiếp.  + Khổ 3: 4 câu tiếp.  + Khổ 4: 2 câu cuối.  **d. Chủ đề**  Bài thơ là tâm sự của người con xa ngày về thăm mẹ. |
| **3). Phân tích văn bản**  **PHIẾU HỌC TẬP 02: Tìm hiểu văn bản *Về thăm mẹ***   |  |  | | --- | --- | | **Nhóm 1 + 2:**  **Vẻ đẹp hình ảnh người mẹ** |  | | a) **Cảnh vật quanh ngôi nhà của người mẹ hiện lên với những hình ảnh nào?**  b) Những sự vật đó có đặc điểm chung nào? Gợi lên cuộc sống của mẹ và vẻ đẹp gì trong tâm hồn người mẹ?  c) Nêu các biện pháp tu từ được sử dụng để khắc hoạ hình ảnh bàn tay mẹ. | | **Nhóm 3 + 4:**  **Tình cảm của người con đối với mẹ** | Description: https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/2021-03-25%20(1).png | | a) Tìm những từ ngữ miêu tả dáng hình, cảm xúc của người con khi về thăm mẹ?  b) Qua những từ ngữ đó, em thấy tình cảm của người con dành cho mẹ như thế nào?  **c)** Nêu các biện pháp tu từ được sử dụng để miêu tả tình cảm, cảm xúc của người con. | | |
| **THẢO LUẬN NHÓM**  **- GV giao nhiệm vụ:**  + Đọc lại cả bài thơ.  + Thảo luận theo nhóm - thời gian 3 phút: Hoàn thành phiếu HT 02:  \_*Tìm hiểu vẻ đẹp của hinh ảnh người mẹ.*  *\_Tìm hiểu tình cảm của con dành cho mẹ.*  *\_Các biện pháp tu từ chính được sử dụng trong bài thơ.*  - **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **- Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **- Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  Nhóm 1 thuyết trình.  Nhóm 2 nhận xét, bổ sung.  GV chốt kiến thức.  Nhóm 3 thuyết trình.  Nhóm 4 nhận xét, bổ sung.  GV chốt kiến thức. | ***3. 1.*** ***Hình ảnh người mẹ thương con***  **- Hình ảnh mẹ gắn liền với bếp lửa:**"bếp chưa lên khói, mẹ không có nhà". → Thể hiện sự tần tảo, đảm đang. → Mang những đặc điểm điển hình của người mẹ, người phụ nữ Việt Nam.  -**Tình yêu thương của mẹ gắn với những sự vật gần gũi đời thường**:  + chum tương đã đậy.  + áo tơi lủn củn.  + nón mê ngồi dầm mưa.  + đàn gà, cái nơm hỏng vành.  → Tất cả các sự vật đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, xấu xí, không trọn vẹn. → Sự vất vả, tích cóp, tiết kiệm của người mẹ để nuôi con khôn lớn. → Tình yêu của mẹ đối với con trọn vẹn.  **- Tình thương của mẹ kết lại bởi hình ảnh:** "Trái na cuối vụ mẹ dành phần con." → Chỉ là một trái na nhưng thể hiện rõ nét nhất sự yêu thương của mẹ: trái na đã đến cuối vụ mà mẹ không nỡ hái, vẫn chờ con về để cho con.  ➩ Người mẹ tần tảo, vất vả, tiết kiệm, hi sinh để lo cho con ăn học trưởng thành mà quên bản thân mình.  **-Nghệ thuật:**  + Ẩn dụ "nón mê", "áo tơi" → Hình ảnh người mẹ.  + Liệt kê: chum tương, nón mê, áo tơi,...  + Hình ảnh, từ ngữ giản dị, gần gũi, quen thuộc.  ***3.2. Tình cảm của người con với mẹ***  **- Hoàn cảnh:** "Con về thăm mẹ chiều đông".  **- Biểu hiện**:  +**Dáng hình**: "thơ thẩn vào ra" → Khi ở nhà một mình, ngắm nhìn những cảnh vật xung quanh, con ngờ ngợ một cảm giác bâng khuâng, tha thẩn, mang nét buồn, nét thương.  +**Cảm xúc**:  - Từ láy: "nghẹn ngào", "rưng rưng".  "nghẹn ngào" → cố kìm nén, cảm động không nói nên lời.  "rưng rưng" → không thể kìm nén, nước mắt chỉ trực chờ rơi.   * Người con nghẹn ngào, rưng rưng vì:   ++ Cảm nhận được tình yêu thương của mẹ và thấy thương mẹ nhiều hơn.  ++ Thấy được sự tảo tần, vất vả của mẹ khi mọi thứ trong nhà đều do mẹ vun vén, khi nhìn thấy chiếc nón mê tàn, cái áo tơi lủn củn...  - Chi tiết *"Trời đang yên vậy bỗng òa mưa rơi"*→ Đây là một hình ảnh đa nghĩa: bên cạnh việc khắc họa khung cảnh thực thì còn có thể là cảm xúc nhân vật: òa khóc (trong lòng hoặc khóc thành tiếng). Trong trường hợp này thì "nghẹn ngào", "rưng rưng" có thể để chỉ tiếng nấc sau khi đã bình tâm trở lại.  - Dấu ba chấm cuối câu. → Thể hiện sự lắng đọng, trầm ngâm, nghẹn ngào không thành lời. Có rất nhiều điều muốn nói nhưng không thể nói ra. → Tạo khoảng lặng, dư âm trong lòng độc giả. |
| **4. Tổng kết** | |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **- GV giao nhiệm vụ:**  *Rút ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?*  - **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**HS suy nghĩ trả lời  + GV quan sát, khích lệ HS.  **- Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **- Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **4.1. Nội dung**  Về thăm mẹ là bài thơ thể hiện tình cảm của người con xa nhà trong một lần về thăm mẹ mình. Mặc dù mẹ không ở nhà nhưng hình ảnh mẹ hiễn hữu trong từng sự vật thân thuộc xung quanh. Mỗi cảnh, mỗi vật đều biểu hiện sự vất vả, sự tần tảo, hi sinh và đặc biệt là tình thương yêu của mẹ dành cho con.  **4.2. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát nhịp nhàng, biểu cảm.  - Kết hợp thành công các biện pháp tu từ: ẩn dụ, liệt kê. |

**\*Sau khi đọc - hiểu 02 văn bản về đề tài tình mẫu tử:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  1. Sau khi học xong 02 bài thơ, em có rút ra bài học gì về cách ứng xử của con cái với cha mẹ?  Bản thân em đã làm được những việc gì mỗi ngày để giúp đỡ cha mẹ?  2. Chọn 1 trong 02 nhiệm vụ sau:  + **Vẽ tranh theo chủ đề**: **Cảm nhận vẻ đẹp của người mẹ trong 1 trong 2 bài thơ thơ *À ơi tay mẹ* hoặc *Về thăm mẹ* và vẽ minh hoạ*.***  **+ Diễn tả nội dung bài thơ bằng lời văn:**  **Miêu tả cảnh người mẹ ru con (bài thơ *À ơi tay mẹ*) hoặc cảnh người con về thăm ngôi nhà của mẹ (bài thơ *Về thăm mẹ*) bằng lời văn.**.  **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- Nhận xét.**  **- Chuẩn kiến thức.** | * 1. **HS thực hiện nhiệm vụ 1.**   **-** Con cái cần hiểu được công lao to lớn, sự hi sinh vất vả của cha mẹ.  - Con cái cần phải biết ngoan ngoãn, nghe lời, tích cực giúp đỡ cha mẹ từ những công việc nhỏ tuỳ theo khả năng của mình; cố gắng học tập chăm ngoan để cha mẹ vui lòng.   * 1. **Nhiệm vụ 2 về nhà làm.**  1. **Vẽ tranh theo chủ đề bài hát**   Description: https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/21.jpg   1. **Diễn tả nội dung bài thơ bằng lời văn:**   **Ví dụ:** Vào một chiều mùa đông, tôi trở về thăm nhà của mình sau những ngày học tập nơi xa. Về đến nhà tôi không thấy khói từ bếp, có lẽ mẹ tôi vắng nhà. Tôi bèn ngồi thơ thẩn trước hiên nhà đi ra đi vào ngóng mẹ về. Chợt trời đổ mưa lớn. Cạnh hiện nhà, chum nước mẹ đã đậy. Mưa rơi làm ướt cái nón mê, ướt cả  Đcái áo tơi ngắn của mẹ khoác hờ người rơm. |

**Ngày dạy: 11/10/2021**

**Tiết: 20 , 21 : NỘI DUNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a**. **Mục tiêu**: TV- GQVĐ (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ láy, biện pháp tu từ ẩn dụ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, cá nhân để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận theo cặp trong bàn:**  - Giáo viên yêu cầu HS dựa vào phần **Kiến thức ngữ văn** cho biết:  *+ Thế nào là biện pháp tu từ?*  *+ Trong chương trình Tiếng Việt bậc Tiểu học, em đã được làm quen với những biện pháp tu từ nào?*  *+ Nêu khái niệm về biện pháp tu từ ẩn dụ trong SGK? Có thể lấy ví dụ minh hoạ.*  **\* Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thảo luận trong bàn, suy nghĩ và trả lời miệng.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\*Báo cáo kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\*Đánh giá kết quả:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | **B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **I. Tìm hiểu về biện pháp tu từ ẩn dụ**  **1. Biện pháp tu từ:** là việc sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt (về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản) làm cho lời văn hay hơn, đẹp hơn, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt và tạo ấn tượng với người đọc.  Ví dụ: so sánh, nhân hoá, liệt kê, phép điệp, tương phản – đối lập,…  **2. Biện pháp ẩn dụ:**  **- Là một biện pháp tu từ quen thuộc, thường được sử dụng.**  **- Khái niệm:** Ẩn dụ (so sánh ngầm) là biện pháp tu từ, theo đó, sự vật, hiện tượng này được gọi bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  Ví dụ:  *Về thăm nhà Bác làng Sen*  *Có hàng râm bụt* ***thắp lên lửa hồng***  🡺 Ẩn dụ qua cụm từ “thắp lên lửa hồng” : chỉ hàng hoa râm bụt trước cửa nhà Bác ra hoa và nở hoa màu đỏ rất nhiều.  Hình ảnh ẩn dụ giúp cho 2 câu thơ thêm sinh động, gợi hình gợi cảm hơn. |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM:**  **GV giao nhiệm vụ: thảo luận theo 4 nhóm trong 03 phút: Hoàn thành phiếu học tập số 03.**   * Nhóm 1: Bài tập 1/Tr 41 * Nhóm 2: Bài tập 2/Tr 41 * Nhóm 3 + Nhóm 4: Bài tập 3/Tr 42   **-Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **- Báo cáo kết quả thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **- Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN:**  **GV giao nhiệm vụ:**  Bài tập 4/Tr 42: ***Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 - 5 dòng) về chủ đề tình cảm gia đình, trong đó sử dụng ít nhất một ẩn dụ.***  **-Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **- Báo cáo kết quả thảo luận:**  + GV gọi 1 vài HS trình bày đoạn văn trước lớp bằng lời nói.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **- Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **II. Thực hành bài tập Tiếng Việt**  **1. Tìm từ láy trong những câu thơ dưới đây. Chỉ ra nghĩa và tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung mà tác giả muốn biểu đạt.**  a) Bàn tay mang phép nhiệm mầuChắt chiu từ những dãi dầu đầy thôi.  (Bình Nguyên)  - **Tác dụng**:  + Làm hình ảnh thơ sinh động, hấp dẫn.  + Thể hiện sự vất vả, dành dụm, chăm chút.  b) Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn...  (Đinh Nam Khương)  - **Tác dụng**:  + Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn.  + Thể hiện tình cảm yêu thương dâng trào của người con với mẹ của mình.  **2. Tìm ẩn dụ trong những câu thơ dưới đây. Nêu tác dụng của các ẩn dụ đó đối với việc miêu tả sự vật và biểu cảm.**  Vẫn bàn tay mẹ dịu dàngÀ ơi này cái trăng vàng ngủ ngonÀ ơi này cái trăng trònÀ ơi này cái trăng còn nằm nôi...[...]À ơi này cái Mặt Trời bé con...  (Bình Nguyên)  - **Ẩn dụ trong bài thơ**: cái trăng vàng/ cái trăng tròn/ cái trăng còn nằm nôi/ cái Mặt Trời bé con → chỉ người con.  - **Tác dụng**:  + Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn.  + Thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ của người mẹ với con: với mẹ, con là trăng, là Mặt Trời, là điều quan trọng nhất.  **3. Trong cụm từ và các câu tục ngữ (in đậm) dưới đây, biện pháp ẩn dụ được xây dựng trên cở sở so sánh ngầm giữa những sự vật, sự việc nào?**  a) Ru cho ***cái khuyết tròn đầy***Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.  (Bình Nguyên)  - **Cơ sở**: cái khuyết tròn đầy tương đồng với đứa con còn nhỏ, chưa phát triển toàn diện.  b) ***Ăn quả nhớ kẻ trồng cây***.  (Tục ngữ)  -**Cơ sở**:  + Ăn quả tương đồng với sự hưởng thụ thành quả lao động.  + Kẻ trồng cây tương đồng phẩm chất với những người lao động tạo ra thành quả.  c) ***Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng***.  (Tục ngữ)  - **Cơ sở**:  + mực - đen tương đồng với cái tối tăm, cái xấu (tương đồng về phẩm chất);  + đèn - rạng tương đồng với cái sáng sủa, cái tốt, cái hay, cái tiến bộ (tương đồng về phẩm chất);  **4. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 - 5 dòng) về chủ đề tình cảm gia đình, trong đó sử dụng ít nhất một ẩn dụ.**  **Gợi ý**:       Không ai khác, bố chính là thần tượng của tôi. Bố tôi vốn không phải một người hoa mĩ nên thật hiếm gặp những lần bố nói lời yêu thương ngọt ngào. Tình cảm ấy bố đặt cả vào trong những hành động chăm sóc sớm chiều dành cho các con. Bố tôi chưa một lần dạy dỗ chúng tôi bằng roi vọt mà luôn dùng ngôn từ. **Người thợ hoàn kim ấy** rèn giũa cho những viên ngọc thô như chúng tôi biết đâu là phải trái, đúng sai để trở nên **sáng hơn, đẹp hơn** mỗi ngày. Bố không chỉ dạy chúng tôi tri thức, bố dạy chúng tôi cả cách làm người.  - **Ẩn dụ:**  + người thợ hoàn kim ấy - bố tôi.  + sáng hơn, đẹp hơn - sự trưởng thành, phát triển và hoàn thiện bản thân. |

**Ngày dạy: 14/10/2021**

**Tiết 22 : NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Văn bản: Ca dao Việt Nam**

**a. Mục tiêu**: Đ1, 2, 3, 4, GQVĐ, NA, TN

- Hiểu được các đặc điểm về hình thức và nội dung của một bài ca dao nói chung.

- Từ đó tìm hiểu được đặc sắc về hình thức và nội dung của các bài ca dao về tình cảm gia đình, từ đó rút ra bài học ứng xử cho bản thân.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phần chốt kiến thức cần đạt của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Trước khi đọc:**

**- GV** khuyến khích HS đọc một bài thơ hoặc hát một bài hát về tình cảm gia đình.

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV nhận xét và dẫn vào bài:

*Mỗi người trong chúng ta đều có một nơi gọi gia đình, nơi ấy dù đơn sơ giản dị vẫn mang đến cho những người con như chúng ta nguồn sức mạnh to lớn, nơi nghỉ ngơi hay niềm an ủi động viên, nơi nuôi ta lớn lên hay nơi sản sinh ra nguồn động lực để học tập, làm việc. Cũng vì tầm quan trọng ấy mà tình cảm gia đình xuất hiện rất sớm, từ lời ru ầu ơ của bà của mẹ, trong điệu hò điệu lí hay trong ca dao dân ca. Chính nhờ lớn lên trong tình yêu gia đình, tình cảm ấy như mạch chảy xuyên suốt, mạnh mẽ mà tiết học hôm nay các em sẽ tìm hiểu những câu ca dao về tình cảm gia đình.*

**\* Trải nghiệm cùng văn bản:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Hướng dẫn tìm hiểu chung về thể loại ca dao**  **-GV giao nhiệm vụ:**  ? *Dựa vào phần chuẩn bị, em hãy nêu những hiểu biết của em về thể loại ca dao (định nghĩa, đặc điểm hình thức, đặc điểm nội dung)*  **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ cá nhân  - **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận . | **C. THỰC HÀNH ĐỌC –HIỂU**  **I . Tìm hiểu chung về ca dao**  **\*Định nghĩa**: Ca dao là một hình thức thơ ca dân gian truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam.  **\*Đặc điểm hình thức**:  + Ca dao sử dụng nhiều thể thơ, trong đó nhiều bài viết theo thể lục bát. Mỗi bài ca dao ít nhất có hai dòng.  + Thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ, phép lặp hình ảnh, từ ngữ; lời ca dao thường ngắn gọn, dễ thuộc, dễ nhớ (2- 4 dòng)  **\*Đặc điểm nội dung**: Chủ yếu phản ánh tâm tư, tình cảm trong tâm hồn của con người (*tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu nam nữ, tình bạn, tình vợ chồng, than thân trách phận..*.). Tình cảm gia đình là 1 trong những chủ đề góp phần thể hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người Việt Nam |
| **Bước 2: Hướng dẫn tìm hiểu văn bản *Ca dao Việt Nam***  **\***GV hướng dẫn HS đọc:  GV đặt câu hỏi: Theo em cần đọc văn bản với giọng như thế nào? - HS suy nghĩ trả lời - GV nhận xét, chuẩn KT. + Giọng dịu nhẹ, chậm êm, tha thiết, tình cảm + Chú ý nhịp 4/4 hoặc 2/2/2/2 - GV đọc mẫu 1 lần rồi gọi 1- 2 em đọc lại, lớp nhận xét, sửa \*GV hướng dẫn HS tìm hiểu chú thích và từ khó trong văn bản.  **- Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  **Đọc lại 03 bài ca dao trong SGK và cho biết:**  ? *Ba bài ca dao này đề cập đến những tình cảm gia đình nào và viết theo thể thơ nào?* **-Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp.   * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu.   **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận . | **II. Đọc – hiểu văn bản *Ca dao Việt Nam***  **1. Đọc văn bản.**  **2. Chú thích (sgk)**  **3. Thể thơ: Lục bát**  **4. Nội dung khái quát:**  **- Bài 1:** Công lao cha mẹ bao la rộng lớn  - **Bài 2:** Lòng biết ơn, nhớ về quê hương cội nguồn của mình  - **Bài 3:** Tình cảm anh em ruột thịt |
| **5. Phân tích**  **PHIẾU HỌC TẬP 04: TÌM HIỂU VĂN BẢN CA DAO VIỆT NAM**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm/bài** | **Nhóm 1:**  **Bài ca dao 1 (Tr 42)** | **Nhóm 2:**  **Bài ca dao 2 (Tr 43)** | **Nhóm 3, 4:**  **Bài ca dao 3 (Tr 43)** | | **1). Nội dung chính** | **………………** | **…………….** | **…………….** | | **2). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong bài ca dao** | **………………** | **……………..** | **…………….** | | **3). Sưu tầm thêm các bài ca dao cùng nội dung.** | **……………...** | **……………** | **……………..** | | **4). Vẽ tranh minh hoạ (nhiệm vụ về nhà)** |  |  |  | | |
| **\*Hướng dẫn phân tích văn bản**:  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**:  **-GV giao nhiệm vụ:** Hoàn thành phiếu học tập 04:  **Nhóm 1: Bài ca dao 1 (Tr 42)**  **Nhóm 2: Bài ca dao 2 (Tr 43)**  **Nhóm 3, 4: Bài ca dao 3 (Tr 43)**  **-Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **- Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS các nhóm nhận xét lẫn nhau.  **- Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.    **Nhóm 1: thuyết trình về bài ca dao 1.**  *Sưu tầm:*  *+ Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra… + Ơn cha nặng lắm ai ơi, Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang*  *+Cá không ăn muối cá ươn, Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.  + Ai về tôi gửi buồng cau, Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy. Ai về tôi gửi đôi giày, Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.*  *+ Ba năm bú mớm con thơ, Kể công cha mẹ, biết cơ ngần nào. Dạy rằng chín chữ cù lao, Bể sâu không ví, trời cao không bì.*    **Nhóm 2: thuyết trình về bài ca dao 2**  **Sưu tầm:** *Con chim có tổ, con người có tông.*  *Con chim tìm tổ, con người tìm tông.*  *Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*  *Ăn gạo, nhớ kẻ đâm xay giần sàng.*  *Ăn quả, nhớ kẻ trồng cây,*  *Ăn khoai, nhớ kẻ cho dây mà trồng.*  **Nhóm 3, 4: thuyết trình về bài ca dao 3**  **Sưu tầm:**  *Anh em cốt nhục đồng bào, Kẻ sau người trước phải hào cho vui.*  *Anh em như chân với tay Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.* | **a) Bài 1:**  Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!  **\*Hai câu đầu:**   * **Hình ảnh**   + Núi ngất trời là núi cao chọc trời, cao ngất đến 9 tầng mây xanh. + Nước ở ngoài biển Đông thì bao la, mênh mông không kể xiết.   * **Ca ngợi công lao to lớn không thể đo đếm của cha mẹ** * **Nghệ thuật:**   **+ Phép so sánh, đối xứng đặc sắc:**  ***Công cha – như – núi ngất trời***  ***Nghĩa mẹ -như – nước biển Đông***  🡪Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ. Chỉ có những hình ảnh to lớn vĩ đại ấy mới diễn tả hết công lao tình cảm to lớn của cha mẹ đối với con  **🡪Tác dụng của biện pháp so sánh:**  + + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + + Nhấn mạnh sự hy sinh lớn lao của cha mẹ dành cho con cái, tình yêu bao la.  \***Hai câu cuối:**  + Cù lao chín chữ: Là những công lao to lớn khó nhọc của cha mẹ đối với con cái như sinh đẻ, nuôi nấng, dậy bảo…  + Giọng điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình: Phải biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ.  **Tóm lại**: Bài ca dao 1 dùng lối ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện công cha, nghĩa mẹ, lấy cái to lớn mênh mông, vĩnh hằng của tự nhiên làm hình ảnh so sánh. Những hình ảnh ấy lại được miêu tả bổ sung bằng những định ngữ chỉ mức độ (núi ngất trời, núi cao, biển rộng…). Chỉ những hình ảnh to lớn, cao rộng không cùng, vĩnh hằng ấy mới diễn tả với công ơn, sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Núi ngất trời, biển rộng… không thể nào đo đếm được cũng như công cha, nghĩa mẹ đối với con cái.  **b) Bài 2:**  Con người có cố, có ông,Như cây có cội, như sông có nguồn.   * ***Con người có cố, có ông:* nhờ** có tổ tiên, ông bà mới có cha mẹ, con cháu. * *Cây có cội có gốc, sông có nguồn*: Cây có gốc thì mới bén rễ phát triển thành một cái cây xanh tốt; sông có nước từ suối nguồn chảy ra thì mới có nước. * Chữ "có" được điệp lại bốn lần khẳng định một chân lí, một sự thật hiển nhiên về nguồn gốc của mọi sự thật, nhắc nhở chúng ta rằng đi đâu đi xa cách mấy chăng nữa thì hãy nhớ về nguồn gốc của mình, **phải ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha ông.** * **Nghệ thuật so sánh:**   **Con người có tổ tiên, quê hương – giống như- cây có cội, sông có nguồn**  **🡪Tác dụng:**  + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + Nhấn mạnh mỗi con người đều có cội nguồn, phải biết ơn và trân trọng.  -Tóm lại: Bài ca dao 2 nhắn nhủ con cháu phải biết ghi nhớ công lao của tổ tiên, cha mẹ ông bà. Phải biết chung thủy hiếu thuận không được vong ơn bội nghĩa.  **c) Bài 3:**  Anh em nào phải người xa,Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.Yêu nhau như thể tay chân,Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.  - Đây có thể là lời người trên nói với con cháu. hoặc lời của anh em nói với nhau.  🡪Tiếng hát về tình cảm gắn bó của anh em trong gia đình:  + *Nào phải người xa. + Cùng chung bác mẹ + Một nhà cùng thân*  -> Các từ ngữ chỉ sự gắn kết thống nhất: Anh em tuy hai nhưng lại là một: cùng một cha mẹ sinh ra, cùng chung sống, sướng khổ có nhau trong một nhà.  **- Nghệ thuật so sánh:**  Sự gắn bó của nh em một nhà – giống như – sự gắn bó giữa tay với chân (các bộ phận trên cùng một cơ thể, không thể tách rời)  🡪Tác dụng:  + Tăng sức gợi tả gợi cảm cho câu ca dao.  + Hình ảnh so sánh diễn tả tình cảm gắn bó thiêng liêng, không thể tách rời của tình anh em. - *Anh em… hai thân vui vầy.*  -> Nhắn nhủ anh em phải biết đoàn kết, thương yêu, nhường nhịn, giúp đỡ nhau. |
| **Hướng dẫn Tổng kết:**  **- GV giao nhiệm vụ:**  + Khái quát đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các bài ca dao Việt Nam?  - **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+**HS suy nghĩ cá nhân  + GV quan sát, khích lệ HS.  **- Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trả lời câu hỏi.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **- Kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **III- Tổng kết**  **1- Nghệ thuật**   * Thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm. * Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm. * Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, nhất là biện pháp so sánh, đối xứng.   **2- Nội dung**  - Ca ngợi tình cảm gia đình thiêng liêng: tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm anh em, lòng biết ơn tổ tiên, quê hương nguồn cội.  - Từ đó hướng con người tới lối sống đạo đức, biết giữ gìn những nét đẹp truyền thống. |

**Ngày dạy: 14/10/2021**

**Tiết 23 - 24: NỘI DUNG 4: VIẾT**

**Tập làm thơ lục bát**

**a. Mục tiêu: V1, GT-HT, GQVĐ**

Viết được một bài thơ lục bát (dài ngắn tuỳ ý) về cha mẹ, ông bà hoặc thầy cô giáo đảm bảo hình thức của bài thơ lục bát.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: viết một bài thơ lục bát về cha mẹ, ông bà hoặc thầy cô giáo.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Hướng dẫn về cách gieo vần của thơ lục bát**  **HOẠT ĐỘNG THEO CẶP**  **- Chuyển giao nhiệm vụ** **học tâp:**  Thảo luận nội dung 1. **Định hướng** (Tr 43- 44): Hoàn thành các bài tập a, b, c.  Thời gian thảo luận: 03 phút  **- Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận theo cặp.   * **Báo cáo sản phẩm:** HS báo cáo kết quả tìm hiểu. * **Đánh giá, nhận xét**: GV nhận xét và kết luận .   **Bước2: Hướng dẫn HS thực hành kĩ năng viết**  **\* Thảo luận theo cặp yêu cầu a:**  *Chọn câu bát phù hợp điền vào chỗ trống.*  Hs thảo luận, phát biểu.  GV nhận xét , chốt kiến thức**.**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN:**  **\*GV giao nhiệm vụ:** Cá nhân thực hiện yêu cầu *b:*  *Tập sáng tác một bài thơ lục bát* (ngắn dài tùy ý) về cha, mẹ, ông, bà hoặc thầy, cô giáo.  **+** GV hướng dẫn quy trình viết.  **- HS thực hiện nhiệm vụ:** Dựa vào phần hướng dẫn SGK, tập viết một bài thơ lục bát hoàn chỉnh.  **- HS tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng)**  **- Trình bày sản phẩm trước lớp.**  **- Đọc và nhận xét sản phẩm của bạn trong bàn và góp ý cho bạn.** | **D. KĨ NĂNG VIẾT**  **I. Định hướng về cách gieo vần của thơ lục bát**  **a)**Chọn từ ngữ nào để điền vào chỗ trống. Giải thích lí do:  Sáng ra trời rộng đến đâuTrời xanh như mới ......(1) biết xanhTiếng chim lay động lá cànhTiếng chim đánh thức ......(2) dậy cùng.  (Định Hải)  Gợi ý  Ở vị trí số (1) điền lần đầu vì từ đầu sẽ tạo vần với từ đâu phía câu trên để phù hợp với cách gieo vần thơ lục bát.  Ở vị trí số (2) điền từ chổi xanh vì từ xanh sẽ tạo vần với từ cành phía trên để phù hợp với cách gieo vần thơ lục bát.  **b)**Trong mỗi dòng thơ lục bát, việc sắp xếp các tiếng có thanh bằng (tiếng không dấu và dấu huyền; kí hiệu là B) và các tiếng có thanh trắc (tiếng có dấu hỏi, ngã, sắc, nặng; kí hiệu là T) phải theo quy tắc. Tìm hiểu quy tắc:  Con về thăm mẹ chiều đông  B   B     B    T      B        B  Bếp chưa lên khói, mẹ không có nhà  T     B     B     T,     T     B      T     B  Mình con thơ thẩn vào ra  B     B     B     T     B    B  Trời đang yên vậy bỗng òa mưa rơi.  B    B     B    T    T      B     B     B  (Đinh Nam Khương)  **c) Luật gieo vần, thanh điệu của thơ lục bát:** - Các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8 trong mô hình câu thơ lục bát bên cạnh phải tuân theo luật bằng trắc.  - Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 không bắt buộc phải tuân theo luật bằng trắc.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Chữ | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Câu lục | - | B | - | T | - | BV | - |  | | Câu bát | - | B | - | T | - | BV | - | BV |   **II. Thực hành**  **1. Đề bài**  Ghi vào vở dòng bát cho phù hợp nội dung, vần, nhịp và luật bằng trắc.  (1) Con đường rợp bóng cây ***xanh***  .........................................................  **Gợi ý**: Nắng mai len lỏi cuộn **nhành** hoa mai.  (2) Tre xanh tự những thuở ***nào***  .........................................................  **Gợi ý**: Xây thành đắp lũy chặn **bao** quân thù.  (3) Phượng đang thắp lửa sân ***trường***  .........................................................  **Gợi ý**: Gợi miền kỉ niệm vấn **vương** trong lòng.  (4) Bàn tay mẹ dịu dàng ***sao***  .........................................................  **Gợi ý**: Đưa nôi con ngủ biết **bao** giấc nồng.  (***\*Lưu ý***: Nhớ tuân thủ quy định về thanh của các tiếng 2 - 4 - 6 - 8 tương ứng B - T - B - B bên cạnh quy định về vần)  **2. Các bước viết một bài thơ lục bát** (ngắn dài tùy ý) về cha, mẹ, ông, bà hoặc thầy, cô giáo.  **- Bước 1: Chuẩn bị:**  + Đối tượng bài thơ?  **Ví dụ**: Mẹ.  + Điều em định viết trong bài?  **Ví dụ:** Tình yêu thương, sự hi sinh của mẹ cho con.  **- Bước 2: Viết bài thơ:**  + Bắt đầu bằng hình ảnh người em muốn viết hoặc tình cảm em dành cho người ấy...  **Ví dụ**: Hình ảnh mẹ ru con ngủ, hình ảnh mẹ đưa nôi.  + Lựa chọn từ ngữ thích hợp thể hiện hình ảnh người mà em muốn viết và diễn tả tình cảm của em với người đó. Thử vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ,...  + Sắp xếp các từ ngữ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thể thơ lục bát.  **- Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa:**  + Đọc lại bài thơ.  + Bài thơ đã đảm bảo số tiếng, vần, nhịp và luật bằng trắc của thơ lục bát chưa? Có mắc lỗi chính tả không?  + Bài thơ có tập trung thể hiện về người em chọn viết và tình cảm của em với người đó không?  + Có nên thay thế từ ngữ nào để bài thơ diễn tả chính xác hoặc hay hơn không?  **Gợi ý**:  À ơi tay mẹ đưa **nôi**  B        T         B  À ơi tay mẹ đưa **nôi** em **nằm**.  B          T           B         B  Đưa nôi lên bảy lên **năm**,  B         T           B  Đưa nôi đưa mãi trăm **năm** cuộc đời.  B              T             B             B  ***Bước 4: Trình bày sản phẩm trước lớp và tham gia góp ý cho bạn cùng bàn.*** |